

các vụ tranh chấp về hợp đồng kinh tế; xử phạt nghiêm minh các vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế.

Áp dụng các biện pháp buộc sửa chữa những thiếu sót, buộc bồi thường những thiệt hại, xử phạt các đơn vị vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế, kiến nghị thi hành kỷ luật hành chính, phạt trừ vào tiền lương, tiền thưởng, chuyển đến tòa án nhân dân để truy cứu trách nhiệm đối với những hành vi sai trái của người quản lý, góp phần vào việc đề cao kỷ luật kế hoạch, kỷ luật hợp đồng, kỷ luật tài chính và pháp luật của Nhà nước.

b) Phát hiện những thiếu sót của các cơ quan quản lý cấp trên, kiến nghị hoặc cùng các cơ quan quản lý cấp trên bàn đề khắc phục những thiếu sót đó, nhằm từng bước góp phần vào việc củng cố, xây dựng mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới.

Đề phát huy hiệu lực của công tác trọng tài kinh tế Nhà nước trong quản lý kinh tế, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương phải tăng cường tổ chức trọng tài Nhà nước về kinh tế theo đúng nghị định số 24-HĐBT ngày 10-8-1981, phát huy vai trò của các cơ quan trọng tài kinh tế các cấp trong việc quản lý kinh tế, bảo vệ pháp chế của Nhà nước; tạo mọi điều kiện về vật chất và kỹ thuật để cơ quan trọng tài Nhà nước về kinh tế ở ngành mình, địa phương mình thực hiện đúng chức năng đã được Nhà nước quy định. Chấn chỉnh tổ chức và sắp xếp cán bộ chuyên trách công tác hợp đồng kinh tế ở các cơ quan quản lý kinh tế, ở các đơn vị kinh tế, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ cho số cán bộ này về công tác hợp đồng kinh tế.

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng các ngành, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và

đặc khu có biện pháp chỉ đạo các cơ quan cấp dưới thực hiện tốt chỉ thị này, trước hết là vận dụng vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1982, đổi mới thực sự việc xây dựng kế hoạch Nhà nước năm 1983 và 3 năm 1983 — 1985.

Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước có trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ các ngành, các cấp thực hiện chỉ thị này, hàng quý báo cáo kết quả với Hội đồng bộ trưởng.

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 1982

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

TỔ HỮU.

CHỈ THỊ số 301-CT ngày 12-11-1982 về việc giải quyết quan hệ giữa ngân sách và tín dụng

Đề thi hành quyết định của Hội đồng bộ trưởng số 172-HĐBT ngày 9-10-1982 về tiền tệ, tín dụng, thanh toán trong thời gian trước mắt, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quy định cụ thể quan hệ giữa cấp phát ngân sách với tín dụng ngân hàng và một số hoạt động khác của ngân hàng như sau:

1. Cấp phát và cho vay vốn lưu động.

Việc xét duyệt, cấp phát và cho vay vốn lưu động căn cứ vào quyết định của Hội đồng Chính phủ số 32-CP ngày 11-2-1977.

Do thay đổi giá cả, phải xác định lại định mức vốn lưu động cho xí nghiệp; cơ quan tài chính cùng ngân hàng và cơ quan

chủ quản xí nghiệp phải xét duyệt ngay định mức vốn lưu động cho xí nghiệp. Nếu giữa ba cơ quan còn chưa nhất trí thì bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với xí nghiệp trung ương) hoặc giám đốc Sở tài chính (đối với xí nghiệp địa phương) tạm thời quyết định để làm căn cứ cấp phát ngân sách và cho vay. Sau khi vốn lưu động định mức năm 1982 đã được duyệt thì ngân hàng cấp phát thay cho tài chính; nếu ngân hàng đã cho vay thì chuyển thành vốn lưu động tự có của xí nghiệp. Ngân hàng từng cấp phải tổng hợp số vốn đã cấp phát thay cho tài chính và số nợ đã chuyển vào vốn lưu động tự có của các xí nghiệp thuộc mỗi cấp, kèm theo xác nhận của đơn vị nhận vốn, gửi cho cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm cấp vốn để ghi chi tăng vốn lưu động tự có cho xí nghiệp, đồng thời báo cáo lên Bộ Tài chính. Ngân hàng trung ương tổng hợp số vốn đã chuyển vào vốn lưu động tự có của các xí nghiệp trung ương (theo từng Bộ, ngành) và xí nghiệp địa phương (theo từng tỉnh, thành phố) gửi Bộ Tài chính và Bộ, ngành chủ quản. Nguồn vốn hoàn trả Ngân hàng Nhà nước được hạch toán vào khoản vay của Bộ Tài chính.

2. Cấp bù giá hàng cung cấp.

Hàng tháng, cơ quan tài chính phải cấp bù giá hàng cung cấp cho các công ty thương nghiệp theo kế hoạch ghi trong ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đã được Hội đồng bộ trưởng duyệt. Các công ty thương nghiệp có trách nhiệm lập kế hoạch xin cấp bù hàng tháng, hàng quý và sau một quý phải gửi báo cáo quyết toán đề cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính xem xét quyết định việc cấp chính thức. Cơ quan tài chính có quyền quyết toán số chênh lệch giá bán sai đối tượng, quá định lượng và sai giá quy định của Nhà nước. Báo cáo quyết toán và việc cấp bù chính thức

đối với mỗi quý phải làm xong trong tháng kế tiếp của quý ấy. Vượt quá thời hạn này, cơ quan tài chính phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để có thái độ xử lý. Chậm nhất đến ngày 15 của tháng thứ ba quý sau mà công ty thương nghiệp chưa có báo cáo quyết toán quý trước thì cơ quan tài chính đình chỉ cấp phát theo kế hoạch cho quý tiếp theo, đồng thời ngân hàng đình chỉ cho vay đối với các mặt hàng thuộc phần cấp bù giá hàng cung cấp của ngân sách.

Nếu cơ quan tài chính chưa cấp bù khoản chi bù giá hàng cung cấp theo kế hoạch tháng thì Ngân hàng Nhà nước tạm thời cho vay để khởi trở ngại hoạt động kinh doanh của các công ty thương nghiệp và phải hạch toán riêng; chậm nhất vào tháng thứ ba của quý, cơ quan tài chính phải hoàn trả cho ngân hàng theo mức kế hoạch cấp bù của quý ấy.

3. Cấp phát và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản.

Căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phần ngân sách Nhà nước cấp phát đã được Quốc hội phê chuẩn, trước mỗi quý, Bộ Tài chính và Sở tài chính phải chuyển đủ cho Ngân hàng Nhà nước số vốn được bố trí để cấp phát và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch quý. Trường hợp do nguồn thu ngân sách chưa đủ để chuyển vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang Ngân hàng Nhà nước theo kế hoạch Bộ Tài chính phải đề nghị Hội đồng bộ trưởng cho phép tạm vay ngân hàng để cấp phát; khi ngân sách có tiền, phải thanh toán ngay số nợ tạm vay ngân hàng.

Các Bộ, các ngành, các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế phải chuyển ngay và chuyển toàn bộ vốn tự có dành cho đầu tư xây dựng cơ bản vào ngân hàng khi được trích các vốn đó.

09663627
Tel: +84-3845 6684

Trong phạm vi số vốn ngân sách chuyên trước quý, số vốn tự có của chủ đầu tư và số vốn thu nợ từ các công trình đã cho vay bằng nguồn vốn ngân sách chuyên cho ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm phân phối kịp thời đến các ngân hàng cơ sở để bảo đảm cấp phát và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch Nhà nước. Hàng quý và hàng năm, ngân hàng có trách nhiệm quyết toán số vốn đã nhận từ ngân sách Nhà nước để cấp phát và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản với Bộ Tài chính hoặc Sở tài chính.

4. Việc trích lập 3 quỹ của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước được trích lập 3 quỹ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1983. Để thực hiện chế độ trích lập 3 quỹ, Ngân hàng Nhà nước phải thực hiện chế độ hạch toán kinh tế trên cơ sở xây dựng các tiêu chuẩn định mức về thu, chi tài chính để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch và đánh giá thực hiện kế hoạch thu chi tài chính hàng năm, đồng thời phải chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo kế toán thống kê do liên Bộ Tài chính — Ngân hàng — Thống kê quy định.

Ba quỹ Ngân hàng Nhà nước được trích là:

— Quỹ phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ ngân hàng dùng để củng cố và phát triển hệ thống kho, bổ sung các thiết bị, máy móc phục vụ công tác thông tin, cơ giới hóa tính toán, từng bước hiện đại hóa công tác phục vụ khách hàng (trừ những công trình lớn thì xin vốn đầu tư tập trung của Nhà nước).

— Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ, công nhân, viên chức ngành ngân hàng có nhiều thành tích trong công tác.

— Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng phục vụ cán bộ, công nhân, viên chức ngành ngân hàng.

Mức trích lập 3 quỹ quy định như sau :

— Trường hợp hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu (lợi nhuận, các khoản thu nộp vào ngân sách Nhà nước, doanh số thu chi tiền mặt qua quỹ ngân hàng, số dư tiền gửi tiết kiệm, doanh số thu nợ) thì ngân hàng được trích lập 3 quỹ: quỹ phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ bằng 10% giá trị tài sản cố định của toàn ngành, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi cộng lại được trích bằng 15% quỹ lương cả năm.

— Trường hợp không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu thì giảm mức trích lập ba quỹ tương ứng với mức độ hoàn thành kế hoạch đối với từng chỉ tiêu.

— Trường hợp thực hiện lợi nhuận vượt mức kế hoạch do hiệu quả của hoạt động ngân hàng thì ngân hàng được trích thêm 20% lợi nhuận vượt kế hoạch để bổ sung các quỹ, trong đó 60% cho quỹ khen thưởng, 20% cho quỹ phúc lợi và 20% cho quỹ phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ.

Nếu quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (do đạt kế hoạch và vượt kế hoạch) cả năm cộng lại mà mỗi quỹ vượt quá 4 tháng lương (lương chính mới) thì tối đa chỉ được trích bằng 4 tháng lương cho mỗi quỹ, lợi nhuận còn lại nộp cho ngân sách Nhà nước.

Đồng chí tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, sau khi được sự thỏa thuận của bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định cụ thể điều kiện trích lập 3 quỹ và việc sử dụng 3 quỹ trong ngành ngân hàng theo chế độ chung của Nhà nước.

Riêng năm 1982, ngân hàng được trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo những quy định trên đây, tối đa không quá 3 tháng lương chính mới cho mỗi quỹ.

5. Hoạt động kinh doanh ngoại hối.

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan độc quyền kinh doanh ngoại hối (tiền nước

ngoài, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý) và các giấy tờ có giá trị ngoại hối.

Thông qua các tổ chức kinh doanh của mình là Ngân hàng Ngoại thương và công ty kinh doanh vàng, bạc, Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ huy động các nguồn ngoại hối ở trong nước và ngoài nước; cho vay ngoại tệ đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nước được phép kinh doanh để thu ngoại tệ; mua bán ngoại tệ; làm các nhiệm vụ bảo lãnh trong thanh toán quốc tế; kinh doanh vàng, bạc, đá quý (bao gồm mua bán, sửa chữa đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng vàng, bạc, đá quý...); làm các dịch vụ như chuyển tiền, đổi ngoại tệ tại quầy...

Ngân hàng Nhà nước có quyền khai thác các nguồn vốn tín dụng quốc tế với điều kiện có lợi và quản lý những khoản tín dụng ngoại tệ do Nhà nước giao và phải làm tốt công tác kinh doanh ngoại hối nhằm tăng thu cho Nhà nước.

Riêng phần lợi nhuận bằng ngoại tệ thu được hàng năm từ các hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Ngoại thương được chuyển 50% vào vốn tự có để mở rộng kinh doanh, phần còn lại nộp vào quỹ dự trữ ngoại tệ của Nhà nước.

Ngân hàng ngoại thương được trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (bằng tiền Việt Nam) theo quy định ở điểm 4 trên đây.

Để được trích lập các quỹ này, hàng năm, Ngân hàng Ngoại thương phải lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch thu chi ngoại tệ của bản thân ngân hàng, trình Hội đồng bộ trưởng xét duyệt.

Đồng chí tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước cùng đồng chí bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chỉ thị này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 1982

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

TRẦN PHƯƠNG

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 27-TC/TNVT ngày 20-10-1982 quy định chế độ phân phối lợi nhuận đối với các xí nghiệp cung ứng vật tư, thương nghiệp, dịch vụ.

Hội đồng bộ trưởng đã ban hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 về việc sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981. Căn cứ vào những điểm sửa đổi, bổ sung trong quyết định nói trên và để bảo đảm sự tương quan hợp lý giữa xí nghiệp sản xuất và xí nghiệp trong khâu lưu thông, Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với xí nghiệp cung ứng vật tư, xí nghiệp thương nghiệp và xí nghiệp dịch vụ (khách sạn, ăn uống, giặt là, cắt tóc, sửa chữa xe đạp, xe máy, máy thu thanh, thu hình, đồng hồ...) hạch toán kinh tế độc lập, dưới đây gọi tắt là các xí nghiệp trong khâu lưu thông như sau.

A. KẾ HOẠCH KINH TẾ, TÀI CHÍNH LÀM CƠ SỞ CHO VIỆC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kế hoạch kinh doanh của các xí nghiệp trong khâu lưu thông gồm kế hoạch nghiệp vụ chính và kế hoạch sản xuất phụ (nếu có).

I. KẾ HOẠCH NGHIỆP VỤ CHÍNH

Kế hoạch nghiệp vụ chính của xí nghiệp gồm kế hoạch nghiệp vụ cơ bản và kế hoạch ngoài nghiệp vụ cơ bản (hạch toán phụ thuộc).